

Số: **01** /2020/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **01** tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý, vận hành khai thác,
bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc
phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/1/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm bảo vệ giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 2740/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 175/BC-STP ngày 11/7/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và các cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Báo Ninh Bình;
- Công báo tỉnh Ninh Bình;
- Lưu VT, VP4, các VP.
vmh.02.QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Ngọc Thạch

QUY ĐỊNH

Về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh
(Ban hành kèm theo quyết định số 01 /2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Tài sản hạ tầng giao thông đường bộ (kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) phải được giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ.

2. Việc quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được thực hiện thống nhất; phạm vi đường bộ do đơn vị nào quản lý thì đơn vị đó thực hiện việc khai thác, vận hành bảo trì và bảo vệ.

3. Hiện đại hóa công tác quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi tham gia quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện việc bảo trì và phát triển hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Tài sản hạ tầng đường bộ phải được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện công khai, minh bạch.

Chương II

PHÂN LOẠI, ĐẶT TÊN HOẶC SỐ HIỆU ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phân loại đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng

Thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 1; điểm b, c, d khoản 2 Điều 39 Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.

Điều 5. Đặt tên đối với đường huyện, đường xã hoặc số hiệu đường bộ đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện và đường chuyên dùng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); Điều 33, Điều 34 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT). Quy định số hiệu đường huyện, đường đô thị, đường chuyên dùng cho từng huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) UBND tỉnh quản lý, lưu trữ báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

b) Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2019/NĐ-CP) và Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT); phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ trên địa bàn.

2. Cơ quan quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt bão; kiểm tra, giám sát nhà thầu bảo trì công trình đường bộ theo quy định; theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp đối với công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; cập nhật, tổng hợp tình hình hư hỏng các công trình thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch bảo trì, báo cáo cấp có thẩm quyền và tổ chức sửa chữa, khắc phục hư hỏng để bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt.

3. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ phải tổ chức tuần tra, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định; thực hiện các quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ các công trình đường bộ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; theo dõi thường xuyên và cập nhật tình hình chất lượng công trình đường bộ được giao quản lý.

4. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng thực hiện các nội dung về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ công trình đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu thi công sửa chữa trên đường bộ đang khai thác có trách nhiệm tổ chức giao thông, trực đảm bảo giao thông, đếm xe vận hành khai thác và xử lý khi có tai nạn giao thông, xử lý khi có sự cố công trình đường bộ theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

Điều 7. Vận hành khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Quy trình bảo trì và Quy trình vận hành khai thác công trình đường bộ được thực hiện theo Quy định tại Chương 2 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

2. Quản lý, khai thác công trình giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương 3 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

3. Cơ quan quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh lập kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do mình đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

4. Cơ quan quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng, chủ đầu tư dự án bảo trì công trình đường bộ, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ và các tổ chức cá nhân có liên quan đến công tác bảo trì công trình đường bộ chịu trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng công trình đường bộ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Việc thực hiện bảo trì đối với công trình đường bộ đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì và xử lý đối với công trình, bộ phận công trình đường bộ hư hỏng không bảo đảm an toàn cho khai thác, công trình hết tuổi thọ thiết kế được thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

Điều 8. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 64/2016/NĐ-CP); Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).

Điều 9. Sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Việc sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và Chương III Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

Các công trình thiết yếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT không thể bố trí ngoài phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ thì khi xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy phép. Trường hợp công trình thiết yếu xây dựng bên ngoài

phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận. Công trình thiết yếu không được ảnh hưởng đến công tác bảo trì, kết cấu và công năng của công trình đường bộ, đảm bảo an toàn cho giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và các công trình khác ở xung quanh.

2. Việc khai thác tài sản hạ tầng đường bộ và khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển đường bộ được thực hiện theo quy định tại mục 4 Chương II Nghị định số 33/2019/NĐ-CP.

3. Việc vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản và thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được UBND tỉnh công bố và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường tỉnh

1. Nhân viên tuần đường thuộc Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ phát hiện vi phạm tiến hành lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm đồng thời thông báo về Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ. Trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện vi phạm, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ căn cứ tính chất vi phạm thông báo bằng văn bản đến Thanh tra Sở giao thông vận tải hoặc UBND cấp xã và phối hợp với các cơ quan trên để lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra và xử lý theo thẩm quyền.

2. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc chấp hành biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu tổ chức, cá nhân vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tự giác khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ hoàn thiện hồ sơ bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt hành chính và không tự giác tháo dỡ vi phạm, hoặc đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không tự giác tháo dỡ. Thanh tra Sở giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ vi phạm gửi UBND cấp huyện đề nghị cưỡng chế giải tỏa.

4. Trường hợp Chủ tịch UBND cấp huyện không thực hiện tổ chức cưỡng chế giải tỏa vi phạm thì Thanh tra Sở giao thông vận tải có văn bản báo cáo Sở Giao thông Vận tải để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc không phối hợp xử lý, giải tỏa vi phạm.

Điều 11. Xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng đường huyện, đường đô thị, đường xã

1. UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý.

2. Khi nhận được thông tin về vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên tuyến đường được phân cấp quản lý, UBND cấp huyện, cấp xã phải cử lực lượng kiểm tra kịp thời để có biện pháp phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Quy trình xử lý vi phạm như quy trình xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đối với đường tỉnh.

Chương V

KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 12. Nguồn vốn quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Đối với đường tỉnh được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Đối với các tuyến đường huyện, đường cấp xã được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách huyện, ngân sách cấp xã và huy động các nguồn lực của địa phương, nguồn hỗ trợ của ngân sách tỉnh và nguồn hợp pháp khác.

3. Đối với đường chuyên dùng do chủ công trình tự bố trí kinh phí.

Điều 13. Quản lý và sử dụng kinh phí

Việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý đường bộ

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải:

a) Thẩm định hoặc thỏa thuận quy hoạch việc xây dựng đối với các dự án liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông.

b) Trình UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ được ủy quyền quản lý. Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp huyện quản lý. Chỉ đạo thực hiện xử lý vi phạm trong phạm vi đất của đường bộ đối với đường tỉnh và Quốc lộ được ủy quyền quản lý.

d) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh và Quốc lộ được ủy quyền quản lý.

đ) Thực hiện công tác đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt và phối hợp với UBND cấp huyện, với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường tỉnh, quốc lộ ủy quyền quản lý.

e) Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

f) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn khi có lệnh của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

g) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

h) Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; thống nhất

với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định; thực hiện việc phân bổ chi tiết nguồn vốn được bố trí; tổng hợp, hướng dẫn lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch quản lý, vận hành khai thác bảo trì và phát triển đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh.

k) Yêu cầu công tác báo cáo định kỳ (hàng tháng, quý, năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông Vận tải và UBND tỉnh về công tác quản lý đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh.

l) Có nhiệm vụ phối hợp các ngành, các cấp trong việc thẩm định, thẩm tra các dự án liên quan đến việc xây dựng, bảo trì, khai thác, vận hành đường huyện, đường xã, tạo sự đồng bộ trong quản lý.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý và phân cấp cụ thể quản lý, bảo trì đường xã; chỉ đạo UBND cấp xã thường xuyên thực hiện công tác quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quản lý, lập quy hoạch đấu nối các tuyến đường trên địa bàn cấp huyện vào đường tỉnh có văn bản hiệp y với Sở Giao thông Vận tải.

b) Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên hiện hành; cấm mốc lộ giới đối với đường huyện.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

d) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn (quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật); tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền liên quan đến đường bộ trên địa bàn mình quản lý.

đ) Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, công tác giải tỏa, cưỡng chế vi phạm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

e) Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ thực hiện việc khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra để khôi phục và đảm bảo giao thông thông suốt trên địa bàn.

f) Tổ chức triển khai công tác quản lý bảo trì hệ thống cầu dân sinh theo đúng nội dung quy định của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

g) Thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch nâng cấp, cải tạo, khai thác, bảo trì và phát triển đường huyện trên địa bàn mình quản lý.

h) Báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Giao thông Vận tải và UBND tỉnh về công tác quản lý đường huyện trên địa bàn mình quản lý.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Thường xuyên thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

b) Bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường xã quản lý trên địa bàn.

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

d) Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn mình quản lý (kiểm tra, lập biên bản và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền) hoặc chuyển cơ quan thẩm quyền xử lý (khi vượt quá thẩm quyền); thực hiện việc cấp phép thi công trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

đ) Xây dựng kế hoạch, huy động lực lượng tham gia công tác giải tỏa, cưỡng chế vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

e) Quản lý, sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ.

f) Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

g) Báo cáo UBND cấp huyện định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ đường xã trên địa bàn mình quản lý.

h) Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc quản lý, bảo vệ chăm sóc cây xanh hai bên đường; điều tra, xử lý khi bị phá hoại, mất mát theo quy định pháp luật.

k) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự

an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

1) Sử dụng đúng ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã; cấm móc lộ giới đối với đường xã.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ đường chuyên dùng

1. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ đường chuyên dùng có trách nhiệm quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật đối với hệ thống đường bộ chuyên dùng do mình quản lý.

2. Các Hội, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền và phối hợp các cơ quan hữu quan tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tới các hội viên, đoàn viên và toàn thể nhân dân.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ. Tham mưu cho cấp có thẩm quyền phân định trách nhiệm quản lý, bảo trì và hành lang an toàn đối với các công trình đê có kết hợp với đường giao thông; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn thường xuyên từ ngân sách tỉnh để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ theo quy định của luật ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ của địa phương đảm bảo sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích.

c) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và các cơ quan khác có liên quan tổ chức thu, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

7. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, UBND các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các hành vi lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ.

d) Chỉ đạo các đơn vị cơ sở tham mưu cho UBND cấp huyện xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế việc lấn, chiếm, tái lấn, chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông đường bộ, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ.

9. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

10. Sở Văn hóa - Thể thao và Sở Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

11. Các chủ đầu tư khi lập dự án xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình có liên quan đến phạm vi đất dành cho đường bộ thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Nhà thầu quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ do Nhà thầu quản lý; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt và phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quản lý.

2. Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan quản lý đường bộ và nhà thầu quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

**Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 18. Triển khai tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông Vận tải là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện quy định này và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện và hướng dẫn thi hành Quy định này đến các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Giao UBND các huyện, thành phố thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường đô thị tương tự như đối với đường huyện đến khi có quy định của UBND tỉnh về quản lý đường đô thị.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quy định này và quy định khác của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này và quy định khác của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./. *Ban*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Thạch



PHỤ LỤC

QUY ĐỊNH SỐ HIỆU ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quy định số 01 /2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

1. Mã số đường đô thị (ĐĐT. Xx)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Thành phố Ninh Bình;	01-20
2	Thành phố Tam Điệp;	21-40
3	Huyện Kim Sơn;	41-50
4	Huyện Yên Mô;	51-60
5	Huyện Yên Khánh;	61-70
6	Huyện Hoa Lư;	71-80
7	Huyện Gia Viễn;	81-90
8	Huyện Nho Quan	91-99

2. Mã số đường huyện (ĐH. Xx)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Huyện Nho Quan	01-17	4	Huyện Yên Khánh	51-67
2	Huyện Gia Viễn	18-34	5	Huyện Yên Mô	68-84
3	Huyện Hoa Lư	35-50	6	Huyện Kim Sơn	85-99

3. Mã số đường chuyên dùng (ĐCD. Xx)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Thành phố Ninh Bình	01-13	5	Huyện Hoa Lư	53-65
2	Thành phố Tam Điệp	14-26	6	Huyện Yên Khánh	66-78
3	Huyện Nho Quan	27-39	7	Huyện Yên Mô	79-89
4	Huyện Gia Viễn	40-52	8	Huyện Kim Sơn	90-99